

Số: 1169/2024/QĐST-HNGĐ

Củ Chi, ngày 17 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các điều 149, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 909/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

\* Ông **Quản Uyên Ưông M**, sinh năm: 1981; địa chỉ: **Số C N, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

\* Bà **Trần Thị Xuân M1**, sinh năm: 1992; địa chỉ: **Số C N, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xét ông **Quản Uyên Ưông M** và bà **Trần Thị Xuân M1** có đăng ký kết hôn vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2014, Quyền số 01/2014 ngày 24/12/2014 do **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang** cấp. Cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên chấp nhận.

[2]. Xét ông **M** và bà **M1** cùng thừa nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Nghĩa vụ dân sự chung: Các bên cùng xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Quản Uyên Ưông M** với bà **Trần Thị Xuân M1** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 163/2014, Quyền số 01/2014 ngày 24/12/2014 do Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông **M** và bà **M1** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông **M** và bà **M1** mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0015868 ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông **M** và bà **M1** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Dương Anh Đạt**